

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
- Mã chứng khoán: TTE
- Địa chỉ trụ sở chính: 507 đường Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam
- Điện thoại: (02367) 109.886
- Website: dientruongthinh.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Như Hoa
- Chức vụ: Người được ủy quyền công bố thông tin – Thư ký HĐQT

Loại hình công bố thông tin:

định kỳ  bất thường  24 giờ  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo thường niên năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 19/04/2024 tại đường dẫn [www.dientruongthinh.vn](http://www.dientruongthinh.vn).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2023

**TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI UQ CBTT**



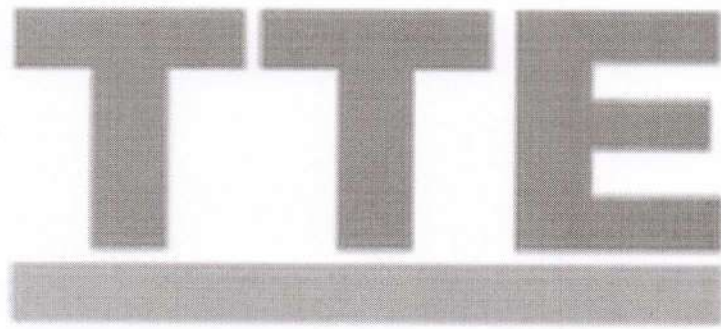
*Nguyễn Thị Như Hoa*

**NGUYỄN THỊ NHƯ HOA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
**TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**  
Địa chỉ trụ sở: 507 Đường Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon  
Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Điện thoại: 0236.710.9886

Website: [dientruongthinh.vn](http://dientruongthinh.vn)



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính)



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TÊN CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

NĂM BÁO CÁO: 2023

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng Trường Thịnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6101177237
- Vốn điều lệ: 284.904.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 284.904.000.000 đồng
- Địa chỉ: 507 đường Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.
- Điện thoại: (0236) 710 9886
- Website: dientruongthinh.vn
- Mã cổ phiếu: TTE
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (TTE) tiền thân là Nhà máy Thủy điện Đăk Ne và được tách ra từ Công ty cổ phần Tấn Phát. TTE được đăng ký lần đầu ngày 21/05/2014 với tên gọi là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne và vốn điều lệ 25.384.000.000 đồng.

Tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 25.384.000.000 đồng lên 83.384.000.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Tháng 5 năm 2016, ông Hồ Ngọc Sung đã không còn là cổ đông sáng lập Công ty và thay thế là ông Nguyễn Văn Quân. Công ty đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp lần 2 do thay đổi cổ đông sáng lập vào ngày 16/5/2016.

Tháng 6 năm 2016, Công ty đã thực hiện thành công tăng vốn lần thứ 2 nâng mức vốn điều lệ lên 253.904.000.000 đồng, theo hình thức hoán đổi cổ phần lấy phần vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt, nắm giữ 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt qua đó tham gia đầu tư, vận hành và kinh doanh các nhà máy điện Đăk Pia, thủy điện Đăk Bla1.



Đến tháng 8/2016, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu và chào bán cho các cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ lên 284.904.000.000 đồng.

Công ty đã sử dụng nguồn tiền từ việc tăng vốn này để mua lại nhà máy Tà Vi vào tháng 12/2016 và chính thức đưa nhà máy vào hoạt động từ tháng 1/2017.

Tháng 8/2017, Công ty hoàn tất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne thành Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh.

Ngày 26/11/2018 Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM đã chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu TTE lên sàn chứng khoán. Ngày 10/12/2018 được sự đồng ý của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh chính thức niêm yết 28.490.400 cổ phiếu với mã chứng khoán TTE ở mức giá 13.500đ/cp.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh đang trực tiếp vận hành 04 nhà máy thủy điện với tổng công suất phát điện là 28,3 MW/h, tổng sản lượng điện bình quân hàng năm phát ra khoảng 176,6 triệu kwh, cụ thể như sau: Nhà máy thủy điện Đắk Ne (8,1 MW); nhà máy Thủy điện Tà Vi (3,0 MW) nhà máy thủy điện Đắk Pia (2,2 MW) và nhà máy thủy điện Đắk Bla1 (15 MW).

Các sự kiện khác: Không

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

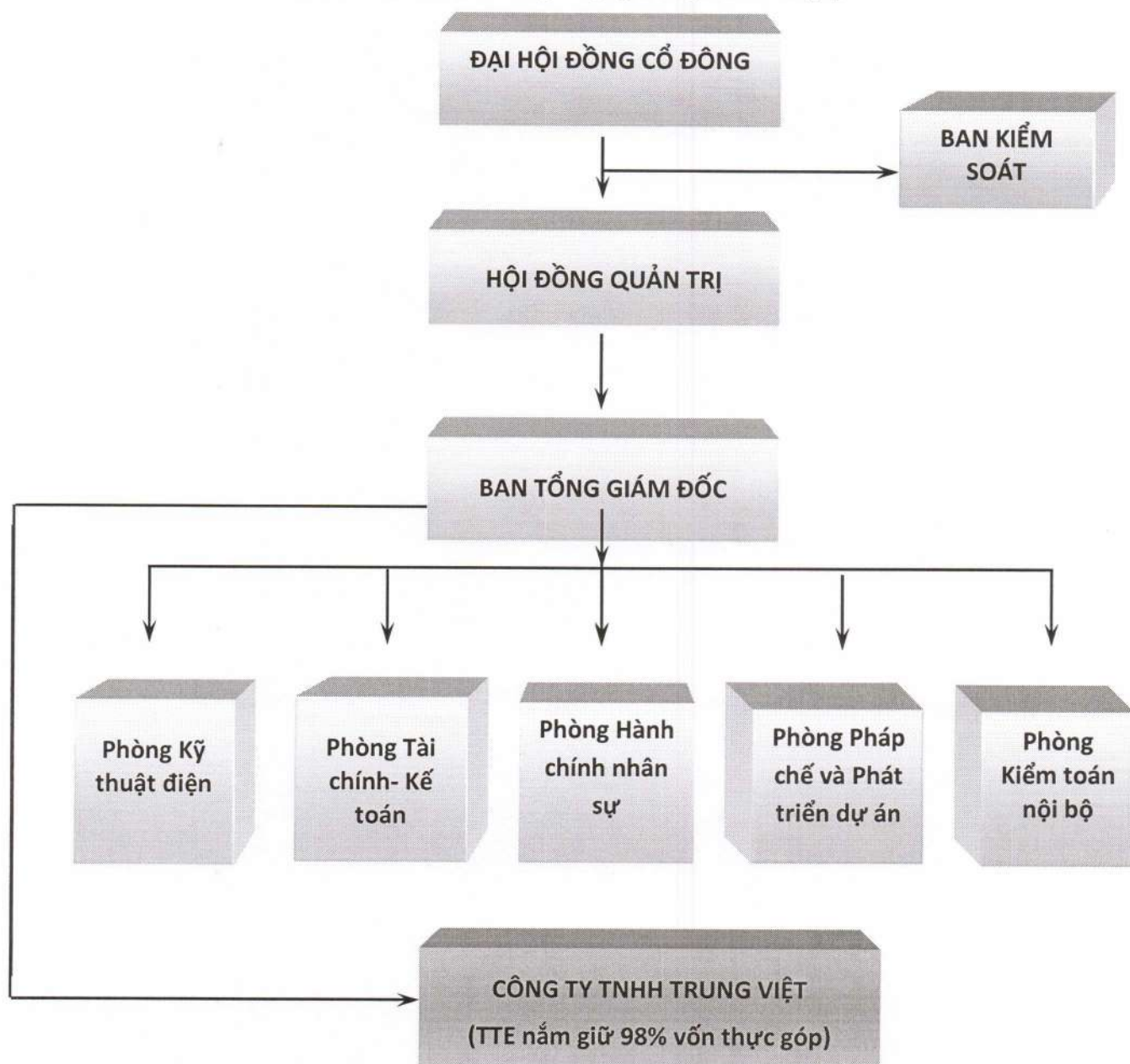
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh Kon Tum và Quảng Nam

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **3.1. Mô hình quản trị**



**Biểu 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**



### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

#### ❖ Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban nghiệp vụ là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được

Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do phòng ban mình phụ trách, cụ thể:

▪ **Phòng Hành chính nhân sự:**

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân Nhân sự theo luật và quy chế công ty.

**Nhiệm vụ**

- Xây dựng bộ máy tổ chức Công ty và đề xuất việc bố trí, điều động, phân công nhân sự cho các Ban, đơn vị thuộc Công ty phù hợp và đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển kinh doanh của Công ty.

- Quản lý hồ sơ cán bộ nhân viên toàn Công ty, giải quyết thủ tục và chế độ chính sách liên quan đến vấn đề nhân sự - lao động - tiền lương (tuyển dụng, HĐLĐ, nghỉ việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều động, thi đua khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu v.v...).

- Xây dựng quy hoạch cán bộ để phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng trình độ cấp bậc kỹ thuật...

- Rà soát và kiểm tra thực hiện các chế độ, các chính sách xã hội và chính sách khác đối với người lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, khen thưởng, kỷ luật,...

▪ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

**Chức năng:** Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác kế toán tài chính của công ty và thực hiện quản lý tài chính trong hoạt động kinh doanh và đầu tư đem lại hiệu quả cao nhất.

**Nhiệm vụ**

**a. Thực hiện công tác tài chính**

- Xây dựng kế hoạch tài chính tuần, tháng, quý, năm theo kế hoạch hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty trình HĐQT

- Lập kế hoạch huy động vốn, đầu tư tài chính cân đối các nguồn phù hợp với tình hình hoạt động của công ty từng giai đoạn thực hiện dự án.



- Đề xuất các phương án sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn.

- Thực hiện các thủ tục huy động vốn, vay tín dụng, vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

- Chủ trì và phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan xây dựng quy chế về quản lý và chi tiêu đúng quy định.

- Giám sát thực hiện thu-chi, tổng hợp và báo cáo quyết toán thu chi liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Tổng hợp phân tích kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty; đề xuất các biện pháp quản lý tài chính thích hợp trong hoạt động đầu tư của Công ty.

#### **b. Thực hiện công tác kế toán thống kê**

- Mở sổ sách kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán. Thực hiện công tác báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính theo định kỳ.

- Quản lý mọi khoản thu chi, thanh toán tiền lương, các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty.

- Lập sổ theo dõi thu nhập cá nhân và tính thu nộp thuế TNCN.

- Tính toán trích nộp đầy đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo luật định;

- Tổ chức thực hiện chi trả cổ tức theo đúng Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, chi trả vốn vay, lãi vay theo quy định.

- Đề xuất phương án nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản của Công ty.

- Thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo đúng quy định của pháp luật. Đề xuất trích lập các quỹ trình HĐQT, TGD Công ty quyết định.

- Thực hiện sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo yêu cầu của HĐQT, TGD Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.

- Tổ chức kiểm kê tài sản theo định kỳ hàng năm; thực hiện đánh giá lại tài sản Công ty theo quy định của Nhà nước và trong trường hợp cần thiết.

- Theo dõi đôn đốc việc thực hiện quyết toán các hợp đồng kinh tế của Công ty và các công nợ. Đề xuất phương án thu hồi và xử lý những khoản nợ tồn đọng.

- Lưu giữ, bảo quản hồ sơ hình thành trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng theo đúng quy định bảo mật.



- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Giám đốc .

- **Phòng Kỹ thuật điện**

**Chức năng:** Giúp việc cho Ban Tổng giám đốc và các Ban quản lý dự án về chuyên môn khi triển khai dự án.

**Nhiệm vụ:**

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc.
- Tham gia vào công tác khảo sát và thiết kế, lập hồ sơ dự án.
- Tham gia thẩm tra, thẩm định và phê duyệt hồ sơ dự án.
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác lựa chọn nhà thầu.
- Phối hợp với các Ban quản lý dự án về các công tác xử lý kỹ thuật tại hiện trường.
- Quản lý, nghiệm thu kỹ thuật các giai đoạn và hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.
- Quản lý công tác kiểm định, bảo hành, bảo trì và sự cố giai đoạn khai thác công trình.

- **Phòng Kiểm toán nội bộ**

**Chức năng:** Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, KTNB đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các kiến nghị về các nội dung sau đây:

- a) Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Công ty;
- b) Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của Công ty đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao;
- c) Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà Công ty đạt được.

**Nhiệm vụ**

a) Đưa ra đảm bảo thông qua việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp Công ty đạt được các mục tiêu chiến lược, hoạt động, tuân thủ và tài chính:

- i. Theo dõi và đánh giá các quy trình quản trị.
- ii. Theo dõi và đánh giá hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro của doanh nghiệp.

iii. Đánh giá rủi ro liên quan đến việc đạt được các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.

iv. Đánh giá các hệ thống được thiết lập để đảm bảo tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp, chế độ tài chính, kế toán và quy định có thể có tác động đáng kể đến doanh nghiệp.

v. Kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt.

vi. Đánh giá các phương tiện bảo vệ tài sản và xác minh sự hiện hữu của các tài sản đó khi cần.

vii. Báo cáo các rủi ro đáng kể và các vấn đề kiểm soát bao gồm rủi ro gian lận, vấn đề quản trị và các vấn đề khác cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị.

b) Đưa ra các phân tích chuyên sâu và các kiến nghị dựa trên đánh giá dữ liệu và các quy trình của doanh nghiệp:

i. Đánh giá độ tin cậy và tính toàn vẹn của hệ thống thông tin quản lý và các phương tiện được sử dụng để xác định, đo lường, phân loại và báo cáo thông tin đó.

ii. Phân tích các hoạt động hoặc chương trình để xác định kết quả có phù hợp với mục tiêu và mục đích đã thiết lập không.

iii. Đánh giá các hoạt động hoặc chương trình có được thực hiện theo kế hoạch không.

iv. Đánh giá hiệu quả và hiệu suất sử dụng các nguồn lực.

c) Đưa ra các tư vấn, kiến nghị một cách độc lập khách quan: Thực hiện các hoạt động tư vấn liên quan đến quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ phù hợp với Công ty.

d) Thực hiện kiểm toán trước: được thực hiện trước khi diễn ra việc thực hiện các dự án, chương trình kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán, nhằm đánh giá độ tin cậy của các thông tin, tài liệu, tính kinh tế, tính khả thi và hiệu quả của dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động; giúp các cấp quản lý có được những thông tin tin cậy để đưa ra các quyết định.

e) Thực hiện kiểm toán đồng thời: được thực hiện trong khi việc thực hiện các dự án, chương trình kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán đang diễn ra, nhằm đánh giá tiến độ, chất lượng quá trình thực hiện hoạt động; phát hiện và kiến



ngiht kịp thời các biện pháp sửa chữa những sai lệch, thiếu sót, yếu kém trong quá trình thực hiện dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động, nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất các mục tiêu của dự án, kế hoạch của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.

f) Thực hiện kiểm toán sau: được thực hiện sau khi việc thực hiện dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán đã hoàn thành, nhằm thực hiện các nội dung, mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với hoạt động của bộ phận được kiểm toán.

g) Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

h) Báo cáo định kỳ về mục đích, quyền hạn, trách nhiệm và hiệu suất của bộ phận KTNB liên quan đến kế hoạch của bộ phận.

i) Kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị.

k) Tùy thuộc vào đối tượng kiểm toán, khi lập kế hoạch KTNB có thể kết hợp cả kiểm toán trước, kiểm toán đồng thời và kiểm toán sau.

### ***Phòng Pháp chế và Phát triển dự án***

**Chức năng:** Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác đảm bảo về mặt pháp lý cho doanh nghiệp, thường được xếp vào là một bộ phận thuộc khối các phòng, ban có chức năng hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **Nhiệm vụ**

- Tư vấn và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến thành lập doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, sáp nhập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp...theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham mưu cho các Phòng, Ban đối với các Hợp đồng kinh tế do các Phòng, Ban trực tiếp thực hiện.

- Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, chuyển các Phòng, Ban có liên quan.

- Tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ tụng hành chính, dân sự.

- Kiểm tra và xử lý các văn bản của các cơ quan, ban ngành liên quan đến các dự án theo quy định của pháp luật khi được phân công.

### **3.3. Các công ty con, công ty liên kết:**



#### + Công ty con:

- **Tên: Công ty trách nhiệm hữu hạn Trung Việt**

- Địa chỉ: 507 đường Duy Tân, phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, phân phối và truyền tải điện
- Vốn điều lệ: 239.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 98%

#### + Công ty liên kết:

- ❖ **Công ty Cổ Phần Thủy điện Huồi Vang – Thành Bưởi**

- Địa chỉ: Số nhà 48, Tổ dân phố 6, Phường Thanh Bình, TP.Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, phân phối và truyền tải điện
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 38,4%

- ❖ **Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng**

- Địa chỉ: Thôn 16, Xã Lộc Thành, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, phân phối và truyền tải điện
- Vốn điều lệ: 172.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 31,18%

- ❖ **Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Đá Đen**

- Địa chỉ: 54 Nguyễn Bình Khiêm, P.8, TP. Tuy Hòa, T. Phú Yên, Việt Nam
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, phân phối và truyền tải điện
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 43%

#### 4. Định hướng phát triển

##### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện, cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh, năng lượng quốc gia.
- Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên danh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề trong lĩnh vực năng lượng tái tạo nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và mang lại lợi ích hài hòa cho cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

## **4.2. Chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn**

- Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo, sản xuất kinh doanh điện, đồng thời tìm kiếm các cơ hội đầu tư các lĩnh vực đúng quy định của pháp luật, có hiệu quả được cổ đông đồng thuận.

- Nâng cao và phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các nhà máy thủy điện mà Công ty đang sở hữu, khai thác bằng cách nâng cao trình độ, trách nhiệm và sự gắn bó của người lao động, đồng thời phối hợp, liên kết tốt với các đơn vị có liên quan và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, chính sách xã hội.

- Quản lý công tác vận hành an toàn, liên tục đạt được sản lượng và doanh thu cao. Thực hiện xử lý các sự cố kịp thời, bảo dưỡng đúng định kỳ để các tổ máy luôn hoạt động hiệu quả

## **4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:**

Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. Sau đây là mục tiêu cụ thể của Công ty đối với môi trường và xã hội.

### **➤ Đối với môi trường**

Công ty đã thực hiện đúng giám sát chất lượng môi trường định kỳ và đột xuất, báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định; tạo cảnh quang, cây xanh, môi trường lành mạnh trong các khuôn viên quản lý.

Không ngừng phân tích đánh giá tình hình môi trường hiện tại để có các biện pháp ứng phó sự cố bất ngờ tác động đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên đồng thời Công ty luôn đề ra kế hoạch cụ thể xử lý chất thải nguy hại.

### **➤ Đối với xã hội và cộng đồng**

Công ty đã đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế xã hội cho địa phương như: tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân địa phương là lao động của Công ty, hỗ trợ và tham gia các chương trình phát triển địa phương, hưởng ứng các hoạt động thiện nguyện do địa phương phát động: Bánh chưng xanh, lá lành đùm lá rách, hội thao địa phương....

## **5. Các rủi ro**



- Không chủ động được sản lượng điện sản xuất do nguồn nước lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng và không lường trước được.
- Hiện tại, tập đoàn điện lực là đơn vị thu mua độc quyền của các nhà máy thủy điện ở Việt Nam, do đó có nhiều bất cập như giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của EVN nên có nguy cơ giá của EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư vào hoạt động sản xuất.
- Trong giai đoạn hiện nay, dưới sự tác động của suy thoái toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, sự suy thoái và khủng hoảng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như ảnh hưởng đến đời sống của người dân và gián tiếp tác động đến sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán...và các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan. Với đặc điểm pháp luật hiện tại chưa hoàn chỉnh, thiếu tính ổn định và không nhất quán, khả năng vẫn có những thay đổi về luật, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

### 1. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	%/TH 2022	% /KH 2023
		Giá trị	Giá trị		
1	Sản lượng điện	136.005.227	124.246.978	91%	60%
2	Doanh thu thuần	153.137.757.382	142.661.691.649	93%	55%
3	Giá vốn hàng bán	52.885.365.991	54.562.130.369	103%	41%
4	Chi phí lãi vay	82.275.493.297	79.697.141.452	97%	73%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.136.724.973	5.209.125.593	19%	21%
6	Lợi nhuận trước thuế	26.786.208.904	4.748.311.190	18%	20%
7	Lợi nhuận sau thuế	21.801.415.130	(1.665.558.769)	-	-



## **2. Tổ chức và nhân sự**

### **2.1. Danh sách Ban điều hành**

- Ông Đinh Xuân Hoàng : Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Quân : Phó Tổng giám đốc
- Ông Hoàng Hữu Điền : Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

### **2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần sở hữu**

#### **a. Ông Đinh Xuân Hoàng – Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Đinh Xuân Hoàng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng
- Số lượng CP sở hữu: 1.307.719 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 4,59%
- Quá trình công tác:

Từ năm 2005 đến năm 2007: Trưởng phòng kinh tế, đầu tư Công ty Sông Đà 8

Từ năm 2007 đến năm 2009: Thư ký HĐQT, Trợ lý TGD Công ty Coteccons

Từ năm 2009 đến năm 2013: Trưởng phòng kinh tế - đầu tư Công ty điện Xekaman 1 (Lào)

Từ năm 2013 đến năm 2018: Phó TGD Công ty điện Xekaman 1 (Lào)

Từ năm 2019 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn đầu tư Việt Phương

Từ T07/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Bình Thủy Lâm Đồng

Từ T01/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư và phát triển thủy điện A Vương Thượng

Từ T6/2019 đến T4/2022: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Từ T4/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Từ T5/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

**b. Ông Nguyễn Văn Quân – Phó Tổng giám đốc**

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1958

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Số lượng CP sở hữu: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%

- Quá trình công tác:

Từ 1983 - 1985:	Kỹ thuật viên - Công ty Sông Đà Hòa Bình
Từ 1986 - 1987:	Phó phòng quản lý kỹ thuật - Công ty Sông Đà Hòa Bình Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Trung Việt.
Từ 1988 - 1991	Phó giám đốc Xí nghiệp Hàm 2 – Công ty Sông Đà Hòa Bình
Từ 1992 - 1996	Phó phòng quản lý kỹ thuật – Tổng công ty Sông Đà Hòa Bình tại Miền Trung
Từ 1997 - 2001	Phó giám đốc – Công ty Sông Đà 7
Từ 2001 - 2003	Bí thư Đảng ủy kiêm Phó giám đốc Công ty Sông Đà 10
Từ 2003 - 2012	Tổng giám đốc Công ty CP thủy điện Nậm Chiến
Từ 2012 - 2013	Chủ tịch HĐQT Công ty CP thủy điện Nậm Chiến
Từ 2014 - 2017	Phó giám đốc Ban điều hành Tổng thầu Lai Châu
Từ 2017 - nay	Tổng giám đốc Công ty CP thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi
Từ Tháng 02/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CPĐT năng lượng Trượng Thịnh
Từ Tháng 01/2021 đến 04/2022	Tổng giám đốc Công ty CPĐT năng lượng Trượng Thịnh Tổng giám đốc Công ty TNHH Trung Việt
Từ Tháng 05/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CPĐT năng lượng Trượng Thịnh

### **c. Ông Hoàng Hữu Điền – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng**

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1982

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kế toán

- Số lượng CP sở hữu: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%

- Quá trình công tác:

Từ tháng 05/2005 đến 8/2008	Kế toán viên tại CTCP Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất
Tháng 09/2008 đến tháng 05/2010	Phó phòng Tài chính kế toán tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất
Từ tháng 01/06/2010 đến 28/02/2011	Phụ trách Phòng kế toán dự án tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Nhà đất
Từ tháng 03/2011 đến Tháng 08/2013	Kế toán trưởng tại CTCP Đầu tư Xây dựng công nghiệp đô thị
Từ tháng 09/2013 đến tháng 11/2015	Kế toán trưởng tại CTCP Mangan Việt Bắc (Tập đoàn VID)
Từ tháng 12/2015 đến tháng 06/2018	Chuyên viên kế toán tại CTCP Tập đoàn đầu tư Việt Phương
Từ tháng 04/2016 đến tháng 06/2017	Kiểm nhiệm phụ trách kế toán tại Công ty Cổ phần thủy điện Bảo Nhai (Tập đoàn VPG)
Từ tháng 03/2017 đến tháng 08/2017	Kiểm nhiệm phụ trách kế toán tại Công ty cổ phần khoáng sản Lào Việt (Tập đoàn VPG)
Từ tháng 09/2017 đến tháng 05/2019	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
Từ tháng 06/2019 đến nay	Kế toán trưởng kiêm Phó Tổng giám đốc Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

**2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

**2.4. Cán bộ nhân viên**

**2.4.1. Số lượng CB-NV tính đến 31/12/2023 : 43 nhân sự**

- Công nhân vận hành: 25 người
- Nhân viên văn phòng: 18 người



- Lương bình quân là: 9.084.000 đồng/người/tháng
- ❖ Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty

**Bảng 1: Cơ cấu lao động tại Công ty**

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
<b>Theo trình độ</b>			
1	Trên đại học	07	16.28%
2	Đại học và Cao đẳng	20	46.51%
3	Trung + Sơ cấp	16	37.21%
<b>Theo giới tính</b>			
1	Nam	34	79.07%
2	Nữ	09	20.93%

#### 2.4.2. Các chính sách đối với người lao động:

- Một số chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định Công ty:
  - + 100% CBCNV được tham gia bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
  - + Bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ và thường xuyên nâng cao chất lượng bảo hộ lao động
  - + Tổ chức cho người lao động được tham gia các phong trào văn thể mỹ, hoạt động thể thao của Công ty
  - + Chế độ thưởng tháng 13, thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng sáng kiến, tăng lương theo cấp bậc... luôn được áp dụng
  - + Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần (quà tặng ngày cưới, ốm đau, hiếu hỉ, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi, rằm trung thu,...)
  - + Công ty luôn cố gắng giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước;
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được

những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;

- *Tuyển dụng*: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp.

- *Chính sách lương, thưởng, trợ cấp*: hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ cho Công ty. Đồng thời tạo động lực thu hút người tài, đáp ứng nguồn nhân lực bền vững của Công ty. Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng cho doanh nghiệp, được Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Kon Tum công nhận. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với hiệu quả lao động, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty luôn thực hiện tốt yêu cầu của Bộ luật lao động. Xây dựng Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể được Sở lao động thương binh và xã hội công nhận. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động như mua Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

#### **3.1. Các khoản đầu tư lớn:**

**3.1.1. Các khoản đầu tư tài chính được thực hiện trong năm:** Không có

**3.1.2. Tình hình thực hiện các dự án lớn:** Không có

#### **3.2. Công ty con, liên kết (đến 31/12/2023)**

*Dvt: đồng*

Chỉ tiêu	Công ty TNHH Trung Việt (Công ty con)	Công ty CP Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi (Công ty liên kết)	Công ty CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng (Công ty liên kết)	Công ty CP Thủy điện Đá Đen
1. Tổng tài sản	564.132.004.458	392.534.258.038	715.835.488.954	265.980.217.531



2.Vốn điều lệ	239.000.000.000	125.000.000.000	172.000.000.000	90.000.000.000
3.Tỷ lệ sở hữu	98%	38,40%	31,18%	43%
4.Doanh thu thuần	78.358.475.286	20.714.424.722	49.124.625.468	49.774.979.041
5.Giá vốn hàng bán	30.273.204.993	21.512.141.244	36.028.552.039	34.255.908.534
6.Chi phí lãi vay	34.763.271.375	26.589.232.964	17.672.408.608	16.104.707.951
7.Lợi nhuận trước thuế	11.022.823.521	(30.108.603.729)	(11.101.167.908)	(2.022.118.441)
8.Lợi nhuận sau thuế	9.576.877.573	(30.108.603.729)	(11.742.940.353)	(2.142.435.404)

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng (+)/giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	1.336.055.881.755	1.250.101.118.689	-6%
Doanh thu thuần	153.137.757.382	142.661.691.649	-7%
Lợi nhuận gộp	100.252.391.391	88.099.561.280	-12%
Lợi nhuận từ hoạt động kd	28.136.724.973	5.209.125.593	-81%
Lợi nhuận trước thuế	26.786.208.904	4.748.311.190	-82%
Lợi nhuận sau thuế	21.801.415.130	(1.665.558.769)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,64	1,58	
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,64	1,58	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	76	74	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	316	289	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	-	-	

- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,11	0,11	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,23	-1,17	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,8	-0,52	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,63	-0,13	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	18,37	3,65	

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1. Cổ phần

- Cổ phần phổ thông: 28.490.400 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 28.490.400 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 28.490.400 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

##### 5.2. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 29.12.2023)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần
<b>I</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>245</b>	<b>28.490.400</b>	<b>100%</b>
1	Cổ đông lớn	04	4.836.900	17%
2	Cổ đông nhỏ	241	23.653.500	83%
<b>II</b>	<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>11</b>	<b>3.360.919</b>	<b>11,80%</b>
1	Trong nước	11	3.360.919	11,80%
2	Nước ngoài	0	0	0%
<b>III</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>234</b>	<b>25.129.481</b>	<b>88,20%</b>
1	Trong nước	230	25.127.211	88,19%
2	Nước ngoài	04	2.270	0,00%
<b>IV</b>	<b>Nguồn vốn cổ đông</b>			
1	Nhà nước	0	0	0%
2	Cổ đông khác	245	28.490.400	100%
<b>Tổng số</b>		<b>245</b>	<b>28.490.400</b>	<b>100%</b>



**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%**

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

TTE được đăng ký lần đầu ngày 21/05/2014 với tên gọi là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne và vốn điều lệ 25.384.000.000 đồng.

Tháng 01 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 25.384.000.000 đồng lên 83.384.000.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Tháng 06 năm 2016, Công ty đã thực hiện thành công tăng vốn lần thứ 2 nâng mức vốn điều lệ lên 253.904.000.000 đồng, theo hình thức hoán đổi cổ phần lấy phần vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt, nắm giữ 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt qua đó tham gia đầu tư, vận hành và kinh doanh các nhà máy điện Đăk Pia, thủy điện Đăk Bla 1.

Đến tháng 08 năm 2016, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu và chào bán cho các cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ lên 284.904.000.000 đồng.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**5.5. Các chứng khoán khác:**

**5.5.1. Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng Trường Thịnh**

- Mã trái phiếu: TTEH2124001;
- Số lượng trái phiếu đang lưu hành: 2.499 trái phiếu;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, đảm bảo bằng tài sản;
- Mệnh giá: 100.000.000 đ/Trái phiếu;
- Kỳ hạn: 36 tháng;
- Lãi coupon: cố định 11%/năm;
- Ngày phát hành: 19/10/2021;
- Ngày đáo hạn: 19/10/2024;

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

Nhà máy thủy điện là nguồn năng lượng sạch, tái tạo, không phát thải khí nhà kính.

Công ty luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường thông qua công tác thu gom, phân loại chất thải, định kỳ các loại chất thải nguy hại được Công ty môi trường đến tận nơi thu gom. Công ty không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu rủi ro cho môi trường.

Trong năm, Công ty đã thực hiện đúng công tác giám sát chất lượng môi trường định kỳ và đột xuất, báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định, tạo cảnh quang, cây xanh môi trường lành mạnh trong khuôn viên quản lý.

## **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty là lượng nước được điều tiết phục vụ tưới cho nông nghiệp, cung cấp nước cho công nghiệp và sử dụng sinh hoạt cho người dân.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: lượng nước này sau khi qua nhà máy để phát điện được trở về với chính dòng sông cũ, không chuyển hướng và không bị tổn thất.

## **6.3. Tiêu thụ năng lượng**

Nhà máy sử dụng điện năng cho hoạt động các thiết bị tự dùng và sinh hoạt CBNV. Lượng điện năng này được cấp từ nguồn điện do nhà máy sản xuất.

## **6.4. Tiêu thụ nước**

### **6.4.1. Nguồn cung cấp và lượng nước sử dụng:**

Nguồn cung cấp là nước mặt do nguồn nước tự nhiên từ sông suối trong khu vực được tích ở các hồ chứa. Nhà máy thủy điện Đăk ne và Đăk Bla1 sử dụng nguồn nước từ hệ thống sông Đăk Bla, Nhà máy thủy điện Đăk Pia sử dụng nguồn nước từ hệ thống sông Đăk Pia, Nhà máy thủy điện Tà Vi sử dụng nguồn nước từ hệ thống sông Tranh thuộc huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

### **6.4.2. Tỷ lệ và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không**

## **6.5. Tuân thủ pháp luật về môi trường**

- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:  
Không

- Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không



**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:** Đã nêu ở mục 2.4

**6.7. Trách nhiệm với cộng đồng địa phương:**

Thời gian qua, Công ty đã có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế xã hội cho địa phương như: hỗ trợ, tham gia các chương trình phát triển địa phương, tạo nguồn cung cấp điện ổn định cho khu vực, nhất là việc điều tiết nước của dòng sông vào mùa mưa lũ, tạo điều kiện việc làm cho người dân địa phương, đóng góp hỗ trợ vào các chương trình thiện nguyện do địa phương tổ chức...

**6.7. Hoạt động thị trường vốn xanh:** Chưa thực hiện

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**1.1. Về sản lượng điện**

Trong năm 2023, sản lượng điện đạt 60% so với kế hoạch và đạt 91% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và hiện tượng El Nino dẫn tới tình hình thủy văn không thuận lợi, mưa ít, nắng nóng kéo dài đã ảnh hưởng đến công tác vận hành các nhà máy thủy điện.

**1.2. Về doanh thu và lợi nhuận**

Trong năm 2023, doanh thu đạt 55% so với kế hoạch và 93% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận trước thuế đạt 20% so với kế hoạch và 18% so với cùng kỳ năm 2022.

Thời tiết diễn biến phức tạp, lưu lượng nước về các hồ thủy điện trong vài tháng đầu mùa hè có nhiều diễn biến bất lợi, thấp hơn đáng kể so với trung bình nhiều năm, làm suy giảm công suất và sản lượng của các nhà máy thủy điện trên toàn hệ thống, nhất là tháng 3 và tháng 4/2023 với lượng nước thiếu hụt từ 20 - 50% so với trung bình nhiều năm, dẫn đến không đạt được chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua. Bên cạnh đó, chi phí đầu tư tăng do Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào các công ty liên doanh, liên kết, khoản trích lập dự phòng này chiếm tỷ lệ cao (hơn 30%) trong cơ cấu chi phí tài chính làm cho lợi nhuận giảm mạnh.

**1.3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

Trong năm 2023, Công ty xây dựng được phương hướng và chiến lược phát triển kinh doanh vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Các công tác phục vụ sản xuất, nhất là công tác an toàn thiết bị, an toàn lao động, bảo vệ môi trường thực hiện nghiêm chỉnh theo các quy định của pháp luật.

Tuân thủ, phối hợp tốt với đơn vị quản lý vận hành hồ để việc phát điện có sản lượng, doanh thu cao.

## 2. Tình hình tài chính

*Đvt: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
Tổng tài sản	1.336.055.881.755	1.250.101.118.689	-6,4%
Nợ phải trả	1.014.626.572.568	929.025.124.145	-8,4%

Tổng tài sản năm 2023 giảm 6,4% so với năm 2022 là do khấu hao tài sản định kỳ.

Nợ phải trả trong năm 2023 giảm 8,4% so với năm 2022, chủ yếu do giảm chi phí nợ vay ngân hàng.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp với tình hình thị trường. Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty sẽ tìm kiếm hoặc mua lại các dự án khả thi để thực hiện đầu tư nhằm tăng hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống CBNV, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và truyền tải điện năng; đồng thời tìm kiếm cơ hội đầu tư các lĩnh vực đúng quy định của pháp luật, có hiệu quả được cổ đông chấp thuận.

## 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có



## **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:**

Việc sản xuất điện năng của Công ty có chỉ tiêu về môi trường tốt: Không làm tổn thất nước, không chuyển hướng dòng chảy, không làm ô nhiễm nguồn nước, nguồn năng lượng sản xuất vừa tự dùng vừa cung cấp cho xã hội và không phát sinh ra khí thải.

### **b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Công ty xây dựng trên nền tảng người lao động là vấn đề then chốt. Công ty thực hiện đầy đủ, tốt các chế độ, chính sách với người lao động, đảm bảo công việc có thu nhập ổn định gắn liền với hiệu quả hoạt động của Công ty, có chính sách giữ chân người lao động làm việc lâu dài.

### **c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương:**

Công ty luôn chú trọng đến công tác hỗ trợ cộng đồng địa phương. Công ty tham gia tích cực một số công tác xã hội tại địa phương như ủng hộ chương trình Bán chung xanh, Giải bóng đá gây quỹ vì người nghèo của địa phương, ủng hộ gạo cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương...

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 đã được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nhờ có sự cố gắng, nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV trong công tác sửa chữa, vận hành nhà máy, tập trung vào công tác phát điện tránh lãng phí nước, sản lượng điện năm 2023 đã đạt 124.246.978 kWh chỉ đạt 91% với năm 2022 và chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó do tăng chi phí tài chính nên lợi nhuận sau thuế giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2022 mặc dù sản lượng điện không đạt kết quả quá thấp so với năm 2022.

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty luôn chủ động thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị cơ điện nhà máy, công trình xây dựng phục vụ công tác sản xuất điện nên nhà máy luôn vận hành ổn định, an toàn không có sự cố hỏng hóc thiết bị xảy ra.

Thực hiện điều tiết tốt lưu lượng nước về hồ trong mùa khô để nâng cao hiệu quả vận hành, chủ động thực hiện công tác mua sắm các vật tư, thiết bị dự phòng cho các tổ máy kịp thời và tiết kiệm để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện.

Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, quản lý thiết bị, quản lý vận hành an toàn, liên tục, ổn định, hiệu quả, không để xảy ra sự cố chủ quan và đảm bảo các tiêu chí kinh tế, kỹ thuật; thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, cấp phát định kỳ đồ bảo hộ lao động cho người lao động; công tác an toàn vệ sinh lao động, môi trường, phòng chống cháy nổ.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty**

Trong năm 2023, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc Công ty được thể hiện như sau:

- Ban Tổng giám đốc đã chủ động nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua thử thách để phát triển, tìm kiếm nhiều cơ hội và hoạt động đầu tư và xây dựng cho Công ty, duy trì bộ máy vận hành ổn định và hiệu quả.

- Chấp hành nghiêm túc về việc thực hiện quy định pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2024, Công ty sẽ tiếp tục giữ vững các hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước mở rộng sản xuất, tiếp tục duy trì cải tiến hệ thống. HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Tiếp tục duy trì họp HĐQT định kỳ và bất thường để giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, đảm bảo Công ty hoạt động dựa trên tinh thần thượng tôn pháp



luật, tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị, xây dựng hình ảnh Công ty minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong công tác điều hành cũng như tăng mức độ tín nhiệm của cổ đông.

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.

- Đầu tư cho công tác quản lý nhân sự, đào tạo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động để góp phần thúc đẩy Công ty phát triển lâu dài và bền vững.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

##### 1.1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Phương Thừa Vũ	Chủ tịch HĐQT	1.250.000	4,39%
2	Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	1.250.000	4,39%
3	Đình Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT	1.307.719	4,59%
4	Lê Thị Thu Hường	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

##### 1.1.2. Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh tại các công ty khác
1	Phương Thừa Vũ	Chủ tịch HĐQT	+ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Dương
2	Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	+ Chủ tịch HĐQT – Công ty CP phát triển Bất động sản Hà Linh + Thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP
3	Đình Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT	+ Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt phương + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng + Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư thủy điện A Vương Thượng
4	Lê Thị Thu Hường	Thành viên HĐQT độc lập	+ Trợ lý TGD, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương.

## 1.2. Các tiêu bang của Hội đồng quản trị: Không có

## 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã họp 12 lần với tỷ lệ thông qua là 100%, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phân công cho từng thành viên và theo nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2023:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ Thông qua
1	06/2023/NQ - TTE	08/02/2023	Về việc thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
2	18/2023/NQ-TTE	06/04/2023	Về việc thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
3	19/2023/NQ-TTE	08/04/2023	Quyết định điều chỉnh tiến độ thực hiện giai đoạn 2 của dự án thủy điện Đăk Ne	100%
4	20/2023/NQ-TTE	20/04/2023	Về việc chuyển khoản vay tại NMTĐ Đăk Ne tại Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định	100%
5	21/2023/NQ- HĐQT-TTE	19/05/2023	Về việc tiếp tục thực hiện và bổ sung phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2022	100%
6	22/2023/NQ- HĐQT-TTE	23/05/2023	Về việc thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	100%
7	29/2023/NQ-TTE	05/06/2023	Về việc rút vốn của Ông Bùi Xuân Huy	100%
8	30/2023/NQ-TTE	08/06/2023	Về việc rút một phần vốn đầu tư Dự án “Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch” tỉnh Đồng Nai	100%
9	31/2023/NQ-TTE	20/07/2023	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	100%
10	32/2023/NQ-TTE	16/10/2023	Về việc dừng phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2022	100%
11	35/2023/NQ-TTE	18/10/2023	Về việc đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ	100%
12	36/2023/NQ-TTE	01/12/2023	Về việc thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án “Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch” tỉnh Đồng Nai	100%



#### 1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

HĐQT có một thành viên HĐQT độc lập là Bà Lê Thị Thu Hương, tham gia đầy đủ các cuộc họp. Tính độc lập của thành viên HĐQT được thể hiện bằng chính chất lượng của hoạt động đóng góp ý kiến và biểu quyết khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thành viên HĐQT độc lập tham gia vào HĐQT nhằm tăng tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong HĐQT.

**1.5. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Không có

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên Ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Hoàng Minh sang	Trưởng ban kiểm soát	0	0%
2	Lê Thị Hạnh	Thành viên	2.288.900	8,03%
3	Phạm Thị Ngân	Thành viên	0	0%

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty. Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và bộ phận quản lý công ty.

Theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết HĐQT của Ban Tổng giám đốc và bộ phận quản lý công ty.

Phối hợp với HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán BCTC công ty.

Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý sản xuất và điều hành công ty, tuân thủ đúng điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

### 3.1. Lương, thưởng và các khoản lợi ích

*Đvt: đồng*

STT	Chức vụ	Lương/ tháng	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
1	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	-	-
2	Ủy viên HĐQT	5.000.000	-	-
3	Trưởng Ban kiểm soát	7.000.000	-	-
4	Thành viên BKS	3.000.000	-	-

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không có

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không có

**3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các quy định của pháp luật về quản trị, thực hiện CBTT đầy đủ, kịp thời. Việc quản trị công ty luôn được đảm bảo theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ nhằm đảm bảo công ty được vận hành suôn sẻ, theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của các cổ đông, tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hằng năm, tạo điều kiện cho CBCNV thể hiện năng lực, học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn, nâng cao đời sống cán bộ, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến của kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Đính kèm chi tiết Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã kiểm toán được đăng trên website Công ty: [www.dientruongthinh.vn](http://www.dientruongthinh.vn).

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công bố thông tin;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu vt.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Dinh Xuân Hoàng*



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(Đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 - 29
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	09 - 29

PH. P.  
M.  
C. TH.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tân Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| ▪ Ông Phương Thừa Vũ  | Chủ tịch   |
| ▪ Bà Lê Thị Thu Hương | Thành viên |
| ▪ Ông Trần Văn Hải    | Thành viên |
| ▪ Ông Đinh Xuân Hoàng | Thành viên |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

- |                       |                                    |
|-----------------------|------------------------------------|
| ▪ Ông Đinh Xuân Hoàng | Tổng Giám đốc                      |
| ▪ Ông Nguyễn Văn Quân | Phó Tổng Giám đốc                  |
| ▪ Ông Hoàng Hữu Điền  | Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng |

#### **Ban kiểm soát**

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| ▪ Ông Hoàng Minh Sang | Trưởng ban |
| ▪ Bà Lê Thị Hạnh      | Thành viên |
| ▪ Bà Phạm Thị Ngân    | Thành viên |

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận biết trách nhiệm và cam kết về việc tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đình Xuân Hoàng**  
Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 30 tháng 3 năm 2024





Số: 13NV2/2024/ASCO/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.





### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 “Phải thu khác”, trong đó thể hiện về việc Công ty đi hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 06/04/2022 với tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 8%/năm dựa trên số tiền thực tế hợp tác và hợp đồng trên đã được gia hạn đến ngày 06/04/2026. Đồng thời, theo Thuyết minh số 14 “Phải trả khác”, Công ty nhận hợp tác đầu tư từ ông Bùi Xuân Huy theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 06/04/2022 với mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 282/BCKT/TC/AVA.NV7 ngày 31/03/2023.



Tư vấn và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO**

Phạm Ngọc Quân  
Phó Tổng Giám đốc  
Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4493-2024-149-1

Phan Đình Dũng  
Kiểm toán viên  
Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4887-2024-149-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>241.224.459.864</b>	<b>39.927.930.211</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.918.260.814	2.060.359.134
111	1. Tiền		7.918.260.814	2.060.359.134
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>233.137.738.050</b>	<b>37.715.421.503</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.978.392.054	19.369.072.618
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	916.850.439	898.152.000
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	4.000.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	218.242.495.557	17.448.196.885
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>168.461.000</b>	<b>152.149.574</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	168.461.000	152.149.574
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>657.852.179.890</b>	<b>949.315.483.294</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		<b>53.747.965</b>	<b>325.905.747.965</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	53.747.965	325.905.747.965
220	II. Tài sản cố định		<b>242.401.376.433</b>	<b>259.440.814.401</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	242.401.376.433	259.440.814.401
222	Nguyên giá		474.417.372.118	474.417.372.118
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(232.015.995.685)	(214.976.557.717)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	8	<b>412.608.484.070</b>	<b>360.048.104.123</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		234.220.000.000	234.220.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		216.000.000.000	138.600.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(37.611.515.930)	(12.771.895.877)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		<b>2.788.571.422</b>	<b>3.920.816.805</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.788.571.422	3.920.816.805
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>899.076.639.754</b>	<b>989.243.413.505</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>622.322.971.778</b>	<b>694.534.622.033</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>102.629.404.098</b>	<b>68.006.854.357</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.616.455.781	3.036.358.798
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		80.899.560	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	5.346.571.677	7.095.356.494
314	4. Phải trả người lao động		420.595.730	393.791.009
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	8.790.674.335	14.658.473.532
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	17.923.205.479	7.397.260.274
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	67.413.200.000	35.420.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		37.801.536	5.614.250
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>519.693.567.680</b>	<b>626.527.767.676</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	176.100.000.000	250.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	343.593.567.680	376.527.767.676
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>276.753.667.976</b>	<b>294.708.791.472</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>276.753.667.976</b>	<b>294.708.791.472</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		284.904.000.000	284.904.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.904.000.000	284.904.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		32.187.286	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(8.182.519.310)	9.804.791.472
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		10.032.482.138	9.161.045.751
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(18.215.001.448)	643.745.721
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>899.076.639.754</b>	<b>989.243.413.505</b>

Đoàn Thị Ngọc Thu  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Hoàng Hữu Điền  
Kế toán trưởng



Đinh Xuân Hoàng  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	64.303.216.363	67.817.705.597
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		64.303.216.363	67.817.705.597
11	4. Giá vốn hàng bán	18	24.288.925.376	23.155.409.328
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.014.290.987	44.662.296.269
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	27.265.807.665	30.186.053.023
22	7. Chi phí tài chính	20	80.967.235.339	69.296.971.916
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		44.933.870.077	46.862.015.761
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.573.382.862	4.581.063.043
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.260.519.549)	970.314.333
31	11. Thu nhập khác		200.008.000	6.325.293
32	12. Chi phí khác	22	154.489.899	47.257.646
40	13. Lợi nhuận khác		45.518.101	(40.932.353)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(18.215.001.448)	929.381.980
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	285.636.259
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(18.215.001.448)	643.745.721

Đoàn Thị Ngọc Thu  
Người lập biểu

Hoàng Hữu Điền  
Kế toán trưởng



Đinh Xuân Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(18.215.001.448)	929.381.980
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.039.437.968	17.164.896.706
03	- Các khoản dự phòng		24.839.620.053	12.771.895.877
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(27.265.807.665)	(22.788.792.749)
06	- Chi phí lãi vay		44.933.870.077	46.862.015.761
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		41.332.118.985	54.939.397.575
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		76.849.561.535	(274.185.872.300)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(64.353.764.042)	251.651.035.735
11	phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.115.933.957	(2.357.420.668)
14	- Lãi tiền vay đã trả		(50.801.669.274)	(40.927.083.860)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(71.409.064)	(285.636.259)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.070.772.097	(11.165.579.777)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCD và các TSDH khác		-	(234.500.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(27.720.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.993.929.583	13.826.042.064
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.993.929.583	(14.128.457.936)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		126.990.546.414	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(130.197.346.414)	(25.580.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.206.800.000)	(25.580.000.000)
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		5.857.901.680	(50.874.037.713)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	2.060.359.134	52.934.396.847
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	7.918.260.814	2.060.359.134

Đoàn Thị Ngọc Thu  
Người lập biểu

Hoàng Hữu Điền  
Kế toán trưởng



Đinh Xuân Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2023

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là 284.904.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng), tương đương 28.490.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023 là 284.904.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

#### **Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Thủy lợi);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 43 người).

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty gồm trụ sở chính tại 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, 01 công ty con, 02 đơn vị trực thuộc và 03 công ty liên kết như sau:



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,  
tỉnh Kon Tum**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tên công ty, đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Trung Việt	507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện	98%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Thôn 16 xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	31,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Số nhà 48, tổ dân phố 6, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện	38,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đà Đen	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, phường 8, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	43%
<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2 xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất điện	
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Tầng 4 tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		

Thông tin về công ty con, các công ty liên kết của Công ty xem tại Thuyết minh số 08.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng



chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

Những người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

### **2.4. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **2.6. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

### **2.7. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



**2.8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	<u>Mức khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**2.9. Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

**2.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay, .... Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay.

**2.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.



**2.13. Trái phiếu phát hành**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Sau ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng bằng cách ghi tang giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**2.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh số vốn thực góp của các cổ đông tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các cổ đông dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

**2.15. Doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm lãi tiền vay. Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa).



**2.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**2.20. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.21. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.



Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	67.156.540	190.887.957
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.851.104.274	1.869.471.177
<b>Cộng</b>	<b><u>7.918.260.814</u></b>	<b><u>2.060.359.134</u></b>

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	9.978.392.054	-	19.369.072.618	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.978.392.054</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>19.369.072.618</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Năng lượng tái tạo	-	-	116.864.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	-	535.260.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật TDMN	-	-	181.028.000	-
Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Kon Tum	306.305.500	-	-	-
Đối tượng khác	75.284.939	-	65.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>916.850.439</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>898.152.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Bà Bùi Thị Thanh Huyền (*)	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Theo hợp đồng mượn tiền số 29.12/HĐMT/2023/TTE-TH ngày 29/12/2023, Công ty cho bà Bùi Thị Thanh Huyền mượn tổng số tiền là 8 tỷ đồng, thời hạn cho mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã chuyển cho bà Bùi Thị Thanh Huyền mượn số tiền là 4 tỷ đồng.



**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	500.606.516	-	1.088.185.926	-
Tiền lãi dự thu từ hợp tác đầu tư	34.631.889.041	-	16.360.010.959	-
<i>Công ty Cổ phần Sam Holdings</i>	-	-	3.958.421.918	-
<i>Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)</i>	25.484.898.630	-	10.836.098.630	-
<i>Ông Trần Văn Hải (2)</i>	9.146.990.411	-	1.565.490.411	-
Phải thu đối tượng khác	183.110.000.000	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)</i>	183.110.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>218.242.495.557</b>	<b>-</b>	<b>17.448.196.885</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó, Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan:</i>				
Ông Trần Văn Hải	9.146.990.411	-	1.565.490.411	-

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khác dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ (thuê nhà)	53.747.965	-	53.747.965	-
Phải thu khác	-	-	325.852.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sam Holdings</i>	-	-	66.890.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)</i>	-	-	183.110.000.000	-
<i>Ông Trần Văn Hải (2)</i>	-	-	75.852.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>53.747.965</b>	<b>-</b>	<b>325.905.747.965</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó, Phải thu khác dài hạn là bên liên quan:</i>				
Ông Trần Văn Hải	-	-	75.852.000.000	-

(1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 06/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh về việc hợp tác triển khai dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, số tiền hợp tác đầu tư là 183.110.000.000 VND, thời hạn hợp tác là 24 tháng, tỷ lệ phân chia lợi nhuận không thấp hơn 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Theo thỏa thuận số 12.04/2022/BBTTTT/PHG-TTE ngày 10/04/2022, xác định tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Đến thời điểm phát hành



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

báo cáo này, Công ty và Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia đã có phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến 06/04/2026, do dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được gia hạn chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- (2) Theo thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng cổ phần chưa niêm yết số 03/2021/TTCN-DD ngày 04/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và ông Trần Văn Hải, theo đó ông Trần Văn Hải đồng ý chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen là 3.870.000 cổ phần (tương đương 43% vốn điều lệ) với giá chuyển nhượng là 20.000 đồng/cổ phần; Công ty đã chuyển tiền đặt cọc trước là 75.852.000.000 VND cho ông Trần Văn Hải. Đến ngày 31/12/2023, thủ tục chuyển nhượng chưa được hoàn thành, do đó, hai bên xác định phát sinh số lãi trong kỳ này là 9.481.500.000 VND. Số tiền lãi còn phải thu ông Trần Văn Hải tính đến ngày 31/12/2023 là 9.146.990.411 VND.

**8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2023	369.996.813.760	99.522.827.269	3.685.550.375	1.212.180.714	474.417.372.118
<b>31/12/2023</b>	<b>369.996.813.760</b>	<b>99.522.827.269</b>	<b>3.685.550.375</b>	<b>1.212.180.714</b>	<b>474.417.372.118</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2023	151.728.915.758	60.101.153.277	2.902.007.973	244.480.709	214.976.557.717
Khấu hao	12.055.835.808	4.580.068.536	257.790.672	145.742.952	17.039.437.968
<b>31/12/2023</b>	<b>163.784.751.566</b>	<b>64.681.221.813</b>	<b>3.159.798.645</b>	<b>390.223.661</b>	<b>232.015.995.685</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2023	218.267.898.002	39.421.673.992	783.542.402	967.700.005	259.440.814.401
<b>31/12/2023</b>	<b>206.212.062.194</b>	<b>34.841.605.456</b>	<b>525.751.730</b>	<b>821.957.053</b>	<b>242.401.376.433</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.971.021.030 VND (tại ngày 31/12/2022 là 148.900.000 VND).

Tài sản cố định của Công ty thế chấp cho khoản vay ngân hàng có nguyên giá là 468.660.950.120 VND (giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 240.748.411.814 VND).



**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2023:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
<i>Công ty con</i>					
Công ty TNHH Trung Việt	507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện	98%	98%	98%
<i>Công ty liên kết</i>					
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Thôn 16 xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	31,18%	31,18%	31,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Huồi Vang - Thành Bưởi	Số nhà 48, tổ dân phố 6, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện	38,40%	38,40%	38,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, phường 8, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	43,00%	43,00%	43,00%
<b>31/12/2023</b>					
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý (*)</b>	<b>Giá trị hợp lý (*)</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>234.220.000.000</b>		-	-	-
Công ty TNHH Trung Việt (1)	234.220.000.000		-	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>216.000.000.000</b>		-	(37.611.515.930)	(12.771.895.877)
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng (2)	85.800.000.000		-	(7.984.792.914)	(4.323.675.315)
Công ty Cổ phần Thủy điện Huồi Vang - Thành Bưởi (3)	52.800.000.000		-	(27.730.969.203)	(8.448.220.562)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen (4)	77.400.000.000		-	(1.895.753.813)	-
<b>Cộng</b>	<b>450.220.000.000</b>		<b>-</b>	<b>(37.611.515.930)</b>	<b>(12.771.895.877)</b>



- (1) Công ty TNHH Trung Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100221010 với số vốn điều lệ là 239 tỷ đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (2) Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800698745 với số vốn điều lệ là 172 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Đại Bình ở xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (3) Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang – Thành Bưởi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600201638 với số vốn điều lệ là 125 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Huổi Vang ở xã Mường Mơn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (4) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28/06/2023 giữa Công ty và ông Trần Văn Hải, Công ty nhận chuyển nhượng 3.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với giá chuyển nhượng 20.000 đồng/cổ phần, có tổng giá trị chuyển nhượng là 77,4 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400998975 với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện ở xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Công ty đang hoạt động bình thường.

(\*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

#### 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

##### Ngắn hạn

Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí trả trước ngắn hạn khác

##### Cộng

##### Dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Chi phí sửa chữa nhà máy

##### Cộng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
	66.924.634	90.458.664
	91.536.366	61.690.910
	10.000.000	-
	<b>168.461.000</b>	<b>152.149.574</b>
	297.209.540	223.445.672
	2.491.361.882	3.697.371.133
	<b>2.788.571.422</b>	<b>3.920.816.805</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Báo cáo tài chính riêng  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẢN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tấn Phát	-	-	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ SPE Việt Nam	-	-	195.353.284	195.353.284
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia Việt Nam	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000
Đối tượng khác	18.055.781	18.055.781	42.605.514	42.605.514
<b>Cộng</b>	<b>2.616.455.781</b>	<b>2.616.455.781</b>	<b>3.036.358.798</b>	<b>3.036.358.798</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số đã nộp trong năm VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.620.737.905	6.242.631.345	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	363.474.303	(292.065.238)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.193.070.418	216.006.205	-
Thuế tài nguyên	-	1.314.475.878	5.822.107.126	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.603.597.990	2.833.997.316	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>7.095.356.494</b>	<b>14.822.676.754</b>	<b>-</b>
				<b>5.346.571.677</b>

(\*) Công ty điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2022 theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 do Công ty tự tính toán số thuế phải nộp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.191.674.335	12.059.473.532
Chi phí phát hành trái phiếu	2.599.000.000	2.599.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.790.674.335</u></b>	<b><u>14.658.473.532</u></b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>17.923.205.479</b>	<b>7.397.260.274</b>
Phải trả tiền lãi hợp tác đầu tư	16.325.205.479	7.397.260.274
<i>Ông Bùi Xuân Huy (1)</i>	<i>16.325.205.479</i>	<i>7.397.260.274</i>
Phải trả khác	1.598.000.000	-
<i>Ông Trần Văn Hải (2)</i>	<i>1.548.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>50.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>176.100.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>
Ông Bùi Xuân Huy (1)	176.100.000.000	250.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>194.023.205.479</u></b>	<b><u>257.397.260.274</u></b>

- (1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 06/04/2022 giữa ông Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, thực hiện đầu tư phát triển dự án mới hoặc hợp tác với các đối tác để phát triển dự án có hiệu quả kinh tế nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 250 tỷ đồng. Theo thỏa thuận số 06.04/2022, xác định mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế, thời hạn thanh toán 6 tháng kể từ ngày ký xác nhận công nợ. Trong năm, ông Bùi Xuân Huy đã rút một phần vốn hợp tác đầu tư theo Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT/BXH-TTE ngày 20/06/2023 và Biên bản thỏa thuận số 17/BBTT/BXH-TTE ngày 08/12/2023.
- (2) Đây là số tiền phải trả về 2% của tổng giá trị nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen từ ông Trần Văn Hải theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28/06/2023. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã trả số tiền này cho ông Trần Văn Hải.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Báo cáo tài chính riêng  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		Phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>35.420.000.000</b>	<b>35.420.000.000</b>	<b>69.190.546.414</b>	<b>37.197.346.414</b>	<b>67.413.200.000</b>	<b>67.413.200.000</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kontum (1)	6.220.000.000	6.220.000.000	9.400.000.000	5.220.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng	29.200.000.000	29.200.000.000	2.777.346.414	31.977.346.414	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	-	-	25.800.000.000	-	25.800.000.000	25.800.000.000
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (4)	-	-	31.213.200.000	-	31.213.200.000	31.213.200.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>376.527.767.676</b>	<b>376.527.767.676</b>	<b>87.665.800.004</b>	<b>120.600.000.000</b>	<b>343.593.567.680</b>	<b>343.593.567.680</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kontum (1)	45.300.000.000	45.300.000.000	-	9.400.000.000	35.900.000.000	35.900.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng	85.400.000.000	85.400.000.000	-	85.400.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	-	-	85.400.000.000	25.800.000.000	59.600.000.000	59.600.000.000
Trái phiếu phát hành (3)	245.827.767.676	245.827.767.676	2.265.800.004	-	248.093.567.680	248.093.567.680
<b>Cộng</b>	<b>411.947.767.676</b>	<b>411.947.767.676</b>	<b>156.856.346.418</b>	<b>157.797.346.414</b>	<b>411.006.767.680</b>	<b>411.006.767.680</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kontum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016, số tiền vay là 74 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Tài sản thế chấp của khoản vay là Công trình nhà máy thủy điện Tà Vi. Kỳ hạn trả nợ gốc là 6 tháng/lần.

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTDH/SĐBS-02 ngày 09/06/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-ĐN ngày 08/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị



khoản vay chuyển sang là 93 tỷ đồng. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 31/12/2014). Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Nhà máy thủy điện Đăk Ne, công suất 8,1MW và Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc là 1 tháng/lần.

(3) Theo hợp đồng dịch vụ phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐĐL/NSI-TTE ngày 05/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:

Mã trái phiếu: TTEH2124001 (mã giao dịch: TTE12101), số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.499 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu là 100.000.000 đồng/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực tế phát hành là 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ, phương thức phát hành là đại lý phát hành; loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bao đảm bằng tài sản; tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia.

Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ đồng (theo chứng thư định giá số 58.2/2021/CTTĐG-CPAHN do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội phát hành ngày 05/10/2021). Đại lý quản lý tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Đà Nẵng.

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huồi Vang Thành Bưởi với tổng giá trị là 52.800.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đa Đen với tổng giá trị là 77.400.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng với tổng giá trị là 85.800.000.000 VND.
- Thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Trung Việt với số tiền là 25.500.000.000 VND và tái cơ cấu khoản vay số tiền là 8.500.000.000 VND.

(4) Theo các hợp đồng mượn tiền giữa bà Đoàn Thị Ngọc Thu và Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Hợp đồng số 01/HĐMT/TTE-NT ngày 20/05/2023 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 19/11/2023 với số tiền là 13.350.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 9 tháng và không có lãi suất.
- Hợp đồng mượn tiền số 02/HĐMT/TTE-NT ngày 05/07/2023 với số tiền là 7.500.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất;
- Hợp đồng mượn tiền số 03/HĐMT/TTE-NT ngày 12/10/2023 với số tiền là 13.800.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 12 tháng và không có lãi suất.

Đến thời điểm 31/12/2023, bà Đoàn Thị Ngọc Thu đã chuyển cho Công ty mượn tổng số tiền là 31.123.200.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Báo cáo tài chính riêng  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**Lịch trả nợ**Trong vòng 01 năm  
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05**Cộng**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
	67.413.200.000	35.420.000.000
	343.593.567.680	376.527.767.676
	<b>411.006.767.680</b>	<b>411.947.767.676</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND			
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>284.904.000.000</b>	-	-	<b>9.161.045.751</b>	<b>294.065.045.751</b>
Lãi trong năm	-	-	-	643.745.721	643.745.721
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>284.904.000.000</b>	-	-	<b>9.804.791.472</b>	<b>294.708.791.472</b>
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>284.904.000.000</b>	-	-	<b>9.804.791.472</b>	<b>294.708.791.472</b>
Lỗ trong năm	-	-	-	(18.215.001.448)	(18.215.001.448)
Chia các quỹ (1)	-	-	32.187.286	(64.374.572)	(32.187.286)
Tăng khác (2)	-	-	-	292.065.238	292.065.238
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>284.904.000.000</b>	-	<b>32.187.286</b>	<b>(8.182.519.310)</b>	<b>276.753.667.976</b>

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 18/2023/NQ-TTE ngày 06/04/2023, Công ty quyết định trích 5% quỹ khen thưởng, phúc lợi và 5% quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

(2) Khoản điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2022 theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 do Công ty tự tính toán số thuế phải nộp.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,  
tỉnh Kon Tum**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu/Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện		
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Ne</i>	50.163.496.026	51.966.126.790
- <i>Nhà máy thủy điện Tà Vi</i>	14.139.720.337	15.851.578.807
<b>Cộng</b>	<b>64.303.216.363</b>	<b>67.817.705.597</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn bán điện		
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Ne</i>	17.915.206.006	17.050.755.472
- <i>Nhà máy thủy điện Tà Vi</i>	6.373.719.370	6.104.653.856
<b>Cộng</b>	<b>24.288.925.376</b>	<b>23.155.409.328</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	19.295.030	26.042.064
Lãi từ hợp tác kinh doanh	17.765.012.635	14.794.520.548
Lãi phải thu ông Trần Văn Hải	9.481.500.000	15.365.490.411
<b>Cộng</b>	<b>27.265.807.665</b>	<b>30.186.053.023</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,  
tỉnh Kon Tum**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	44.933.870.077	46.862.015.761
Chi phí phát hành trái phiếu	2.265.800.004	2.265.800.004
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	24.839.620.053	12.771.895.877
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.927.945.205	7.397.260.274
<b>Cộng</b>	<b>80.967.235.339</b>	<b>69.296.971.916</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.560.550.322	2.513.765.574
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.438.717	24.848.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	78.554.940
Các khoản thuế, phí và lệ phí	22.282.477	21.035.569
Chi phí bằng tiền khác	1.964.111.346	1.942.858.560
<b>Cộng</b>	<b>4.573.382.862</b>	<b>4.581.063.043</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản phạt	154.489.899	46.572.995
Chi phí khác	-	684.651
<b>Cộng</b>	<b>154.489.899</b>	<b>47.257.646</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.215.001.448)	929.381.980
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	610.489.899	498.799.313
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>610.489.899</i>	<i>498.799.313</i>
Chi phí không được trừ	154.489.899	47.257.646
Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	456.000.000	451.541.667
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>(17.604.511.549)</b>	<b>1.428.181.293</b>
<b>Thu nhập theo thuế suất thông thường (20%)</b>	<b>(5.611.779.923)</b>	<b>1.428.181.293</b>
<b>Thu nhập được ưu đãi thuế (*)</b>	<b>(11.992.731.626)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>285.636.259</b>

(\*) Công ty được ưu đãi về thuế TNDN đối với dự án nhà máy thủy điện Đăk Ne theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 25/06/2019. Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Công ty đang áp dụng mức thuế suất cho nhà máy thủy điện Đăk Ne là 10%.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,  
tỉnh Kon Tum**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.502.329.527	5.118.970.559
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	112.868.717	24.848.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.039.437.968	17.164.896.706
Thuế và các khoản lệ phí	22.282.477	21.035.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.092.022.371	1.942.858.560
Chi phí khác bằng tiền	3.093.367.178	3.463.862.577
<b>Cộng</b>	<b>28.862.308.238</b>	<b>27.736.472.371</b>

**25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31/12/2023 gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Trung Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Công ty liên kết
Các thành viên trong Hội đồng quản trị	
Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc	

*Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Hoàng Hữu Điền	56.483.336	860.983.336
<b>Phải thu khác</b>		
Ông Trần Văn Hải	9.146.990.411	77.417.490.411
<b>Cộng</b>	<b>9.203.473.747</b>	<b>78.278.473.747</b>

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Ông Hoàng Hữu Điền		
Chi tiền tạm ứng	5.700.000.000	1.435.050.000
Hoàn ứng	6.504.500.000	1.435.050.000
Ông Trần Văn Hải		
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	-	13.932.000.000
Lãi phải thu	4.701.784.932	15.365.490.411
Thu tiền lãi	1.900.000.000	13.180.000.000



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,  
tỉnh Kon Tum

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

**Đoàn Thị Ngọc Thu**  
Người lập biểu

**Hoàng Hữu Điền**  
Kế toán trưởng



**Đinh Xuân Hoàng**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(Đã được kiểm toán)



---

Tháng 3 năm 2024

**NỘI DUNG**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 - 31
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 31

THA  
WSI



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tân Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| ▪ Ông Phương Thừa Vũ  | Chủ tịch   |
| ▪ Bà Lê Thị Thu Hương | Thành viên |
| ▪ Ông Trần Văn Hải    | Thành viên |
| ▪ Ông Đinh Xuân Hoàng | Thành viên |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

- |                       |                                    |
|-----------------------|------------------------------------|
| ▪ Ông Đinh Xuân Hoàng | Tổng Giám đốc                      |
| ▪ Ông Nguyễn Văn Quân | Phó Tổng Giám đốc                  |
| ▪ Ông Hoàng Hữu Điền  | Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng |

#### **Ban kiểm soát**

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| ▪ Ông Hoàng Minh Sang | Trưởng ban |
| ▪ Bà Lê Thị Hạnh      | Thành viên |
| ▪ Bà Phạm Thị Ngân    | Thành viên |

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;



- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận biết trách nhiệm và cam kết về việc tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đình Xuân Hoàng**  
**Tổng Giám đốc**

*Kon Tum, ngày 30 tháng 3 năm 2024*





Số: 14NV2/2024/ASCO/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.





### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 “Phải thu khác”, trong đó thể hiện về việc Công ty đi hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 06/04/2022 với tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 8%/năm dựa trên số tiền thực tế hợp tác và hợp đồng trên đã được gia hạn đến ngày 06/04/2026. Đồng thời, theo Thuyết minh số 15 “Phải trả khác”, Công ty nhận hợp tác đầu tư từ ông Bùi Xuân Huy theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 06/04/2022 với mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 283/BCKT/TC/AVA.NV7 ngày 31/03/2023.



Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

MSDN: 0102374170

Phạm Ngọc Quân  
Phó Tổng Giám đốc

Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4493-2024-149-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Phan Đình Dũng  
Kiểm toán viên

Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4887-2024-149-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>300.402.429.588</b>	<b>83.370.749.551</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>40.941.987.718</b>	<b>2.688.164.229</b>
111	1. Tiền		40.941.987.718	2.688.164.229
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>258.903.888.167</b>	<b>80.475.067.827</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	35.088.897.793	51.253.425.300
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.432.284.439	4.052.495.080
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	4.000.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	218.382.705.935	25.169.147.447
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>556.553.703</b>	<b>207.517.495</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	556.553.703	207.517.495
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>949.698.689.101</b>	<b>1.252.685.132.204</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>53.747.965</b>	<b>325.905.747.965</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	53.747.965	325.905.747.965
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>744.474.096.107</b>	<b>783.678.205.081</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	744.474.096.107	783.678.205.081
222	Nguyên giá		1.147.274.276.643	1.147.274.276.643
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(402.800.180.536)	(363.596.071.562)
250	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>199.232.711.268</b>	<b>134.622.724.668</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		199.232.711.268	134.622.724.668
260	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.938.133.761</b>	<b>8.478.454.490</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.669.886.482	8.101.089.674
269	2. Lợi thế thương mại	11	268.247.279	377.364.816
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.250.101.118.689</b>	<b>1.336.055.881.755</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>929.025.124.145</b>	<b>1.014.626.572.568</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>190.235.253.279</b>	<b>129.317.622.058</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.459.536.940	3.984.444.709
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		805.331.265	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	12.147.755.652	14.957.707.491
314	4. Phải trả người lao động		718.789.932	662.116.655
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	10.001.918.171	18.953.393.992
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	48.461.717.132	7.488.879.228
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	114.183.200.000	82.841.963.082
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		457.004.187	429.116.901
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>738.789.870.866</b>	<b>885.308.950.510</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	176.100.000.000	250.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	555.167.567.680	632.754.571.335
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		7.522.303.186	2.554.379.175
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>321.075.994.544</b>	<b>321.429.309.187</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>321.075.994.544</b>	<b>321.429.309.187</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		284.904.000.000	284.904.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.904.000.000	284.904.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		32.187.286	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.861.811.476	31.438.850.956
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		32.718.907.796	9.937.966.738
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(1.857.096.320)	21.500.884.218
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5.277.995.782	5.086.458.231
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.250.101.118.689</b>	<b>1.336.055.881.755</b>

Đoàn Thị Ngọc Thu  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Hoàng Hữu Điền  
Kế toán trưởng




Đinh Xuân Hoàng  
Tổng Giám đốc


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	142.661.691.649	153.137.757.382
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		142.661.691.649	153.137.757.382
11	4. Giá vốn hàng bán	19	54.562.130.369	52.885.365.991
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.099.561.280	100.252.391.391
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	27.275.002.326	30.255.102.913
22	7. Chi phí tài chính	21	90.890.886.661	91.938.553.575
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		79.697.141.452	82.275.493.297
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(12.790.013.399)	(3.977.275.332)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	6.484.537.953	6.454.940.424
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.209.125.593	28.136.724.973
31	12. Thu nhập khác	23	200.008.047	11.011.175
32	13. Chi phí khác	24	660.822.450	1.361.527.244
40	14. Lợi nhuận khác		(460.814.403)	(1.350.516.069)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.748.311.190	26.786.208.904
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	1.445.945.948	2.430.414.599
52	17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		4.967.924.011	2.554.379.175
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.665.558.769)	21.801.415.130
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(1.857.096.320)	21.674.446.545
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		191.537.551	126.968.585
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(65)	755
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	(65)	755

  
Đoàn Thị Ngọc Thu  
Người lập biểu

  
Hoàng Hữu Điền  
Kế toán trưởng

  
Đinh Xuân Hoàng  
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.748.311.190	26.786.208.904
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		39.313.226.511	39.483.012.072
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.484.988.926)	(18.880.567.307)
06	- Chi phí lãi vay		79.697.141.452	82.275.493.297
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		109.273.690.227	129.664.146.966
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		93.843.057.742	(289.162.946.022)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(33.619.910.464)	259.987.538.804
11	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.082.166.984	(3.169.028.095)
14	- Lãi tiền vay đã trả		(88.648.617.273)	(78.866.000.296)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.163.821.229)	(2.430.414.599)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.300.000)	(94.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		81.762.265.987	15.928.896.758
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		-	(276.500.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(27.720.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.003.124.243	13.895.091.954
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.003.124.243	(14.101.408.046)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		126.990.546.414	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(175.502.113.155)	(57.617.640.524)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48.511.566.741)	(57.617.640.524)
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		38.253.823.489	(55.790.151.812)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	2.688.164.229	58.478.316.041
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	40.941.987.718	2.688.164.229

Đoàn Thị Ngọc Thu  
Người lập biểu

Hoàng Hữu Điền  
Kế toán trưởng



Đinh Xuân Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2023

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là 284.904.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng), tương đương 28.490.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023 là 284.904.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

#### **Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Thủy lợi);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 43 người).

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty gồm trụ sở chính tại 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, 01 công ty con, 02 đơn vị trực thuộc và 03 công ty liên kết như sau:



Tên công ty, đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Trung Việt	507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Thôn 16 xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Số nhà 48, tổ dân phố 6, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, phường 8, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện
<b>Đơn vị trực thuộc</b>		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2 xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất điện
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Tầng 4 tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	

**Thông tin công ty con được hợp nhất và các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Trung Việt	98%	98%	98%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	31,18%	31,18%	31,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	38,40%	38,40%	38,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	43,00%	43,00%	43,00%

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng trong Công ty mẹ thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất hoặc trong trường hợp không điều chỉnh thì mức ảnh hưởng là không trọng yếu.

**2.4. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.6. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự



phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

## **2.7. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	<u>Mức khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

## **2.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

## **2.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



### **2.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay, .... Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay.

### **2.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

### **2.13. Trái phiếu phát hành**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Sau ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng bằng cách ghi tang giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

### **2.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính phản ánh số vốn thực góp của các cổ đông tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các cổ đông dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **2.15. Doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



### ***Doanh thu tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **2.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm lãi tiền vay. Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng năm (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa).

#### **2.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **2.20. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## **3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Tiền mặt	75.675.562	212.797.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.866.312.156	2.475.366.286
<b>Cộng</b>	<b>40.941.987.718</b>	<b>2.688.164.229</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	35.070.397.793	-	43.234.925.300	-
Bà Nguyễn Thị Hồng	18.500.000	-	8.018.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>35.088.897.793</b>	<b>-</b>	<b>51.253.425.300</b>	<b>-</b>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	-	535.260.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật TDMN	-	-	351.043.000	-
Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Kontum	306.305.500	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 789 Hà Nội	514.434.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Năng lượng tái tạo	-	-	277.024.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ SPE Việt Nam	-	-	2.757.101.792	-
Trả trước cho người bán khác	76.284.939	-	132.066.288	-
<b>Cộng</b>	<b>1.432.284.439</b>	<b>-</b>	<b>4.052.495.080</b>	<b>-</b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÂN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bà Bùi Thị Thanh Huyền (*)	4.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Theo hợp đồng mượn tiền số 29.12/HĐMT/2023/TTE-TH ngày 29/12/2023, Công ty cho bà Bùi Thị Thanh Huyền mượn tổng số tiền là 8 tỷ đồng, thời hạn cho mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã chuyển cho bà Bùi Thị Thanh Huyền mượn số tiền là 4 tỷ đồng.



	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>7. PHẢI THU KHÁC</b>				
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	-	-
Tạm ứng	635.816.894	-	1.809.136.488	-
Tiền lãi dự thu từ hợp tác đầu tư	34.631.889.041	-	16.360.010.959	-
Công ty Cổ phần Sam Holdings	-	-	3.958.421.918	-
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)	25.484.898.630	-	10.836.098.630	-
Ông Trần Văn Hải (2)	9.146.990.411	-	1.565.490.411	-
Phải thu khác	183.110.000.000	-	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)	183.110.000.000	-	-	-
Bà Bùi Thị Thanh Huyền	-	-	7.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>218.382.705.935</b>	-	<b>25.169.147.447</b>	-
<i>Trong đó, Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan:</i>				
Ông Trần Văn Hải	9.146.990.411	-	1.565.490.411	-
<b>Phải thu khác dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ (thuê nhà)	53.747.965	-	53.747.965	-
Phải thu khác	-	-	325.852.000.000	-
Công ty Cổ phần Sam Holdings	-	-	66.890.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)	-	-	183.110.000.000	-
Ông Trần Văn Hải (2)	-	-	75.852.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>53.747.965</b>	-	<b>325.905.747.965</b>	-
<i>Trong đó, Phải thu khác dài hạn là bên liên quan:</i>				
Ông Trần Văn Hải	-	-	75.852.000.000	-

(1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 06/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh về việc hợp tác triển khai dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, số tiền hợp tác đầu tư là 183.110.000.000 VND, thời hạn hợp tác là 24 tháng, tỷ lệ phân chia lợi nhuận không thấp hơn 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Theo thỏa thuận số 12.04/2022/BBTT/PHG-TTE ngày 10/04/2022, xác định tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia đã có phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến 06/04/2026, do dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được gia hạn chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(2) Theo thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng cổ phần chưa niêm yết số 03/2021/TTTCN-DD ngày 04/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và ông Trần Văn Hải, theo đó ông Trần Văn Hải đồng ý chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen là 3.870.000 cổ phần (tương đương 43% vốn điều lệ) với giá chuyển nhượng là 20.000 đồng/cổ phần; Công ty đã chuyển tiền đặt cọc trước là 75.852.000.000 VND cho ông Trần Văn Hải. Đến ngày 31/12/2023, thủ tục chuyển nhượng chưa được hoàn thành, do đó, hai bên xác định phát sinh số lãi trong năm nay là 9.481.500.000 VND. Số tiền lãi còn phải thu ông Trần Văn Hải tính đến ngày 31/12/2023 là 9.146.990.411 VND.

**8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2023	845.688.285.352	294.693.296.592	5.456.902.893	1.435.791.806	1.147.274.276.643
<b>31/12/2023</b>	<b>845.688.285.352</b>	<b>294.693.296.592</b>	<b>5.456.902.893</b>	<b>1.435.791.806</b>	<b>1.147.274.276.643</b>
<b>HAO MÒN LÚY KẾ</b>					
01/01/2023	236.946.936.830	121.898.423.999	4.381.027.259	369.683.474	363.596.071.562
Khấu hao	23.684.320.992	14.952.278.136	371.600.202	195.909.644	39.204.108.974
<b>31/12/2023</b>	<b>260.631.257.822</b>	<b>136.850.702.135</b>	<b>4.752.627.461</b>	<b>565.593.118</b>	<b>402.800.180.536</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2023	608.741.348.522	172.794.872.593	1.075.875.634	1.066.108.332	783.678.205.081
<b>31/12/2023</b>	<b>585.057.027.530</b>	<b>157.842.594.457</b>	<b>704.275.432</b>	<b>870.198.688</b>	<b>744.474.096.107</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 3.521.903.261 VND (tại ngày 31/12/2022 là 1.249.963.746 VND).

Tài sản cố định của Công ty thế chấp cho khoản vay ngân hàng có nguyên giá là 1.139.134.836.490 VND (giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 742.594.366.109 VND).





**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Công ty liên kết	Quyền biểu quyết	31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	31,18%	85.800.000.000	82.074.962.287	85.800.000.000	85.736.416.543
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	38,40%	52.800.000.000	37.324.609.746	52.800.000.000	48.886.308.125
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	43,00%	77.400.000.000	79.833.139.235	-	-
<b>Cộng</b>		<b>216.000.000.000</b>	<b>199.232.711.268</b>	<b>138.600.000.000</b>	<b>134.622.724.668</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy	267.331.540	145.826.585
Chi phí thuê văn phòng	187.536.366	61.690.910
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	101.685.797	-
<b>Cộng</b>	<b>556.553.703</b>	<b>207.517.495</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	1.052.401.192	337.016.376
Chi phí sửa chữa nhà máy	4.617.485.290	7.764.073.298
<b>Cộng</b>	<b>5.669.886.482</b>	<b>8.101.089.674</b>

**11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Số dư đầu năm	377.364.816	486.482.353
Phân bổ trong năm	109.117.537	109.117.537
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>268.247.279</b>	<b>377.364.816</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGAN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện	587.171.818	587.171.818	587.171.818	587.171.818
Công ty Cổ phần Tân Phát	-	-	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia Việt Nam	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000
Đối tượng khác	273.965.122	273.965.122	598.872.891	598.872.891
<b>Cộng</b>	<b>3.459.536.940</b>	<b>3.459.536.940</b>	<b>3.984.444.709</b>	<b>3.397.272.891</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	7.315.136.956	13.615.320.944	15.117.527.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	2.508.252.643	101.514.535	1.163.821.229
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.211.681.448	258.468.244	1.429.794.810
Thuế tài nguyên	-	2.039.190.977	12.037.466.002	10.872.652.466
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.883.445.467	6.029.114.276	6.268.040.019
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>14.957.707.491</b>	<b>32.041.884.001</b>	<b>34.851.835.840</b>

(\*) Công ty điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp năm 2022 theo tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2022 do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty TNHH Trung Việt tự tính toán lại số thuế phải nộp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	7.402.918.171	16.354.393.992
Chi phí phát hành trái phiếu	2.599.000.000	2.599.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.001.918.171</b>	<b>18.953.393.992</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48.461.717.132</b>	<b>7.488.879.228</b>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	91.618.954
Phải trả tiền lãi hợp tác đầu tư	16.325.205.479	7.397.260.274
<i>Ông Bùi Xuân Huy (1)</i>	<i>16.325.205.479</i>	<i>7.397.260.274</i>
Phải trả khác	32.136.511.653	-
<i>Bà Bùi Thị Thanh Huyền (2)</i>	<i>30.538.511.653</i>	<i>-</i>
<i>Ông Trần Văn Hải (3)</i>	<i>1.548.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>50.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>176.100.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>
Ông Bùi Xuân Huy (1)	176.100.000.000	250.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>224.561.717.132</b>	<b>257.488.879.228</b>

- (1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 06/04/2022 giữa ông Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, thực hiện đầu tư phát triển dự án mới hoặc hợp tác với các đối tác để phát triển dự án có hiệu quả kinh tế nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 250 tỷ đồng. Theo thỏa thuận số 06.04/2022, xác định mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế, thời hạn thanh toán 6 tháng kể từ ngày ký xác nhận công nợ. Trong năm, ông Bùi Xuân Huy đã rút một phần vốn hợp tác đầu tư theo Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT/BXH-TTE ngày 20/06/2023 và Biên bản thỏa thuận số 17/BBTT/BXH-TTE ngày 08/12/2023.
- (2) Đây là số tiền phải trả về 2% của tổng giá trị nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen từ ông Trần Văn Hải theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28/06/2023. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã trả số tiền này cho ông Trần Văn Hải.
- (3) Theo Hợp đồng mượn tiền số 28.12/2023/HĐMT/TV-TH ngày 28/12/2023, bà Bùi Thị Thanh Huyền cho Công ty mượn số tiền là 31 tỷ đồng với kỳ hạn 6 tháng và không có lãi suất. Mục đích sử dụng tiền mượn để bổ sung vốn lưu động sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		Phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>82.841.963.082</b>	<b>82.841.963.082</b>	<b>128.843.350.073</b>	<b>97.502.113.155</b>	<b>114.183.200.000</b>	<b>114.183.200.000</b>
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng	29.200.000.000	29.200.000.000	2.777.346.414	31.977.346.414	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Buôn Mê Thuột	42.500.000.000	42.500.000.000	-	42.500.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum (1)	11.141.963.082	11.141.963.082	14.052.803.659	8.024.766.741	17.170.000.000	17.170.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	-	-	80.800.000.000	15.000.000.000	65.800.000.000	65.800.000.000
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (4)	-	-	31.213.200.000	-	31.213.200.000	31.213.200.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>632.754.571.335</b>	<b>632.754.571.335</b>	<b>333.165.800.004</b>	<b>410.752.803.659</b>	<b>555.167.567.680</b>	<b>555.167.567.680</b>
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng	85.400.000.000	85.400.000.000	-	85.400.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Buôn Mê Thuột	245.500.000.000	245.500.000.000	-	245.500.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum (1)	56.026.803.659	56.026.803.659	-	14.052.803.659	41.974.000.000	41.974.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	-	-	330.900.000.000	65.800.000.000	265.100.000.000	265.100.000.000
Trái phiếu phát hành (3)	245.827.767.676	245.827.767.676	2.265.800.004	-	248.093.567.680	248.093.567.680
<b>Cộng</b>	<b>715.596.534.417</b>	<b>715.596.534.417</b>	<b>462.009.150.077</b>	<b>508.254.916.814</b>	<b>669.350.767.680</b>	<b>669.350.767.680</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum với tổng số dư tại 31/12/2023 là 59.144.000.000 VND theo các hợp đồng:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, số tiền vay là 74 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Tài sản thế chấp của khoản vay là Công trình nhà máy thủy điện Tà Vi. Kỳ hạn trả nợ gốc là 6 tháng/lần.
  - Hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-300900523 ngày 12/06/2009 kèm các phụ lục hợp đồng sửa đổi với Công ty TNHH Trung Việt, số tiền vay là 44 tỷ đồng, thời hạn vay là 192 tháng. Mục đích vay để thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Đăk Pía. Lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng cho từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăk Pía.
- (2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Gia Định với tổng số dư tại 31/12/2023 là 330.900.000.000 VND theo các hợp đồng:
- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTDH/SDBS-02 ngày 09/06/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 08/6/2023 chuyển nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị khoản vay chuyển sang là 93 tỷ đồng. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 31/12/2014). Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Nhà máy thủy điện Đăk Ne, công suất 8,1MW và Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc là 1 tháng/lần.
  - Hợp đồng mua, bán nợ số 02/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 20/06/2023 kèm các phụ lục sửa đổi bổ sung và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02.01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 21/06/2023 chuyển khoản vay của Công ty TNHH Trung Việt từ Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Mê Thuột sang vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Gia Định. Giá trị khoản vay chuyển sang là 260,5 tỷ đồng. Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 15/05/2015. Mục đích vay để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 tại Xã Đăk Ruồng, Huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, công suất 15MW. Lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng cho từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo khoản vay là Quyền tài sản phát sinh gắn liền với dự án nhà máy thủy điện Đăk Bla 1, toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy thủy điện Đăk Bla 1, toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và quyền tài sản đổi với phần vốn góp.
- (3) Theo hợp đồng dịch vụ phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐDL/NSI-TTE ngày 05/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:
- Mã trái phiếu: TTEH2124001 (mã giao dịch: TTE12101), số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.499 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu là 100.000.000 đồng/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực tế phát hành là 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ, phương thức phát hành là đại lý phát hành; loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia.



Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442.5 tỷ đồng (theo chứng thư định giá số 58.2/2021/CTTDG-CPAHN do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội phát hành ngày 05/10/2021). Đại lý quản lý tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Đà Nẵng.

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huồi Vang Thành Bưởi với tổng giá trị là 52.800.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đà Đen với tổng giá trị là 77.400.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng với tổng giá trị là 85.800.000.000 VND.
- Thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Trung Việt với số tiền 25.500.000.000 VND và tái cơ cấu khoản vay số tiền là 8.500.000.000 VND.

(4) Theo các hợp đồng mượn tiền giữa bà Đoàn Thị Ngọc Thu và Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Hợp đồng số 01/HĐMT/TTE-NT ngày 20/05/2023 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 19/11/2023 với số tiền là 13.350.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 9 tháng và không có lãi suất.
- Hợp đồng mượn tiền số 02/HĐMT/TTE-NT ngày 05/07/2023 với số tiền là 7.500.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất;
- Hợp đồng mượn tiền số 03/HĐMT/TTE-NT ngày 12/10/2023 với số tiền là 13.800.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 12 tháng và không có lãi suất.

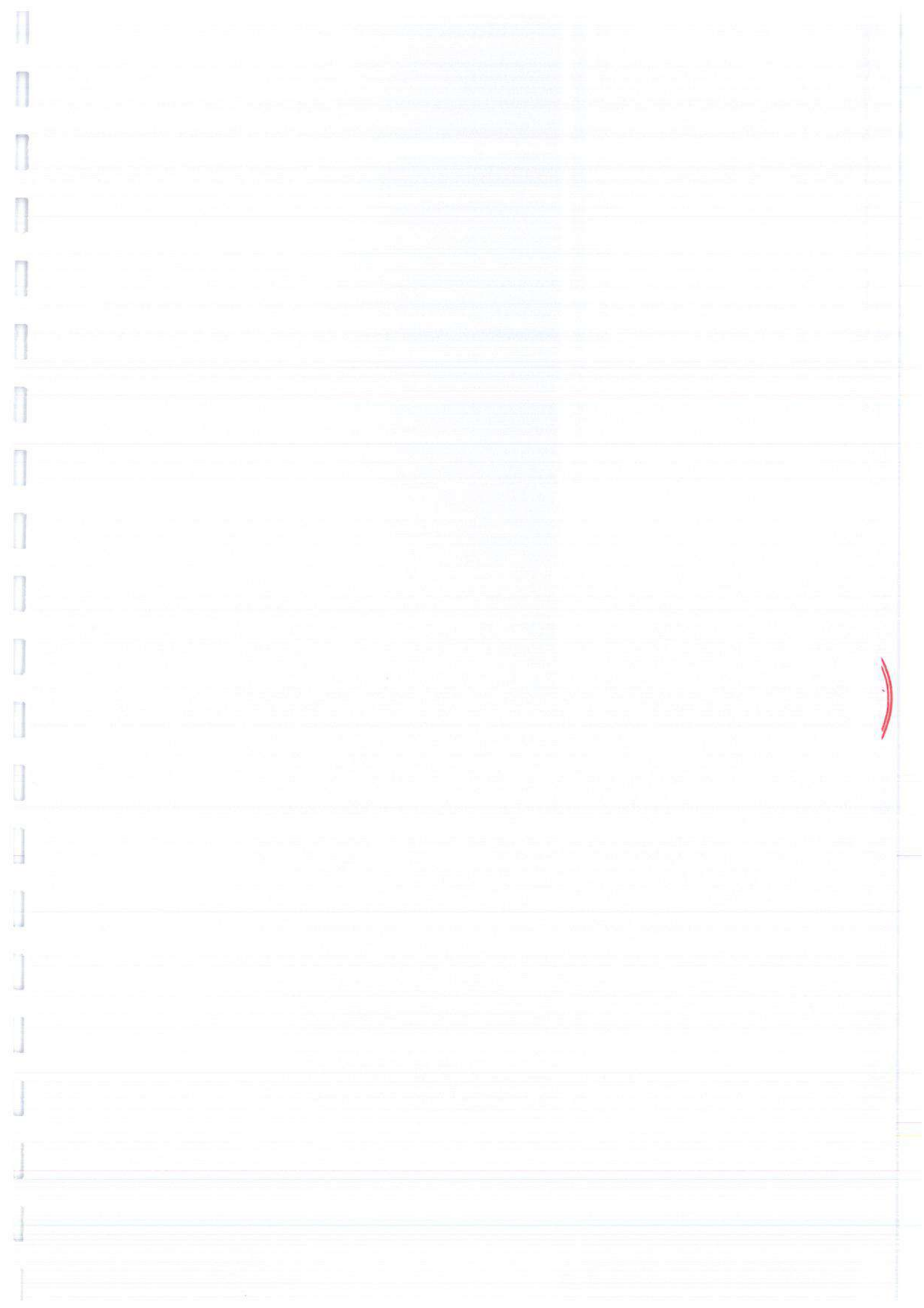
Đến thời điểm 31/12/2023, bà Đoàn Thị Ngọc Thu đã chuyển cho Công ty mượn tổng số tiền là 31.123.200.000 VND.

**Lịch trả nợ**

Trong vòng 01 năm  
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05

**Cộng**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
	114.183.200.000	82.841.963.082
	555.167.567.680	632.754.571.335
	<b>669.350.767.680</b>	<b>715.596.534.417</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>284.904.000.000</b>	-	<b>9.937.966.738</b>	<b>4.785.927.319</b>	<b>299.627.894.057</b>
Lãi trong năm	-	-	21.500.884.218	300.530.912	21.801.415.130
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>284.904.000.000</b>	-	<b>31.438.850.956</b>	<b>5.086.458.231</b>	<b>321.429.309.187</b>
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>284.904.000.000</b>	-	<b>31.438.850.956</b>	<b>5.086.458.231</b>	<b>321.429.309.187</b>
Lãi trong năm	-	-	(1.857.096.320)	191.537.551	(1.665.558.769)
Chia các quỹ (1)	-	32.187.286	(64.374.572)	-	(32.187.286)
Tặng khác (2)	-	-	1.344.431.412	-	1.344.431.412
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>284.904.000.000</b>	<b>32.187.286</b>	<b>30.861.811.476</b>	<b>5.277.995.782</b>	<b>321.075.994.544</b>

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 18/2023/NQ-TTE ngày 06/04/2023, Công ty quyết định trích 5% quỹ khen thưởng, phúc lợi và 5% quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

(2) Khoản điều chỉnh thu nhập doanh nghiệp năm 2022 theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty TNHH Trung Việt tự tính toán lại số thuế phải nộp.



Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000
<b>18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	VND	VND
Doanh thu bán điện	142.222.854.339	153.137.757.382
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Ne</i>	50.163.496.026	51.966.126.790
- <i>Nhà máy thủy điện Tà Vi</i>	14.139.720.337	15.851.578.807
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1</i>	64.374.973.565	15.090.422.236
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Pía</i>	13.544.664.411	70.229.629.549
Doanh thu khác	438.837.310	-
<b>Cộng</b>	<b>142.661.691.649</b>	<b>153.137.757.382</b>
<b>19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	VND	VND
Giá vốn bán điện	17.915.206.006	17.050.755.472
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Ne</i>	6.373.719.370	6.104.653.856
- <i>Nhà máy thủy điện Tà Vi</i>	24.091.840.500	6.071.882.854
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1</i>	6.181.364.493	23.658.073.809
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Pía</i>		
<b>Cộng</b>	<b>54.562.130.369</b>	<b>52.885.365.991</b>
<b>20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	28.489.691	95.091.954
Lãi từ hợp tác kinh doanh	17.765.012.635	14.794.520.548
Lãi phải thu ông Trần Văn Hải	9.481.500.000	15.365.490.411
<b>Cộng</b>	<b>27.275.002.326</b>	<b>30.255.102.913</b>
<b>21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	79.697.141.452	82.275.493.297
Chi phí phát hành trái phiếu	2.265.800.004	2.265.800.004
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.927.945.205	7.397.260.274
<b>Cộng</b>	<b>90.890.886.661</b>	<b>91.938.553.575</b>



**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.743.362.355	3.719.302.413
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.438.717	24.848.400
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	78.554.940
Các khoản thuế, phí	40.295.230	35.965.771
Chi phí mua ngoài	125.886.364	75.877.838
Chi phí bằng tiền khác	2.439.437.750	2.411.273.525
Lợi thế thương mại được phân bổ	109.117.537	109.117.537
<b>Cộng</b>	<b>6.484.537.953</b>	<b>6.454.940.424</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác	200.008.047	11.011.175
<b>Cộng</b>	<b>200.008.047</b>	<b>11.011.175</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản phạt	329.092.450	1.360.788.089
Chi phí khác	331.730.000	739.155
<b>Cộng</b>	<b>660.822.450</b>	<b>1.361.527.244</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.748.311.190	26.786.208.904
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	1.344.747.090	1.985.993.551
Chi phí không được trừ	732.747.090	1.433.451.884
Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	612.000.000	552.541.667
<b>Điều chỉnh hợp nhất</b>	<b>11.940.489.117</b>	<b>8.685.503.008</b>
Chuyển lỗ các năm trước	-	4.717.468.423
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>(5.847.430.837)</b>	<b>15.369.231.024</b>
<b>Thu nhập theo thuế suất thông thường (20%)</b>	<b>108.832.826</b>	<b>8.934.914.970</b>
<b>Thu nhập được ưu đãi thuế (*)</b>	<b>(5.956.263.663)</b>	<b>6.434.316.054</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.445.945.948</b>	<b>2.430.414.599</b>

(\*) Công ty được ưu đãi về thuế TNDN đối với 2 dự án nhà máy thủy điện:

- Nhà máy thủy điện Đăk Ne theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 25/06/2019. Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Công ty đang áp dụng mức thuế suất cho nhà máy thủy điện Đăk Ne là 10%.

- Nhà máy thủy điện Đắk Bla 1 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000117 do UBND tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 01/08/2012, thay đổi lần thứ nhất ngày 14/01/2014. Dự án này nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Năm 2022 và 2023, Công ty đang áp dụng mức thuế suất cho Nhà máy thủy điện Đắk Bla 1 là 10% và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

**26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.857.096.320)	21.500.884.218
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	28.490.400	28.490.400
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>(65)</b>	<b>755</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	112.868.717	24.848.400
Chi phí nhân công	11.198.174.393	9.468.168.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.204.108.974	39.373.894.535
Thuế và các khoản lệ phí	40.295.230	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.526.705.685	4.936.161.025
Chi phí khác bằng tiền	6.855.397.786	7.998.753.813
<b>Cộng</b>	<b>60.937.550.785</b>	<b>61.801.826.378</b>

**28. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31/12/2023 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Công ty liên kết
Các thành viên trong Hội đồng quản trị	
Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc	

*Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Hoàng Hữu Điền	56.483.336	860.983.336
<b>Phải thu khác</b>		
Ông Trần Văn Hải	9.146.990.411	77.417.490.411
<b>Cộng</b>	<b>9.203.473.747</b>	<b>78.278.473.747</b>



*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Ông Hoàng Hữu Điền		
Chi tiền tạm ứng	5.700.000.000	1.435.050.000
Hoàn ứng	6.504.500.000	1.435.050.000
Ông Trần Văn Hải		
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	-	13.932.000.000
Lãi phải thu	4.701.784.932	15.365.490.411
Thu tiền lãi	1.900.000.000	13.180.000.000

Trong năm, Công ty phát sinh thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát là:

	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	73.125.000
Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT	133.291.666	122.145.833
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc	145.500.000	117.520.833
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó TGD - Kế toán trưởng	440.200.000	436.300.000
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên BKS	36.000.000	21.937.500
<b>Cộng</b>		<b>1.114.991.666</b>	<b>1.011.029.166</b>

**29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty có bốn nhà máy thủy điện được xây dựng và vận hành tại tỉnh Kon Tum (nhà máy thủy điện Đăk Ne, Đăk Bla 1, Đăk Pia) và tỉnh Quảng Nam (nhà máy thủy điện Tà Vi), thông tin chi tiết báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

	Tỉnh Kontum (Đăk Ne, Đăk Bla 1, Đăk Pia)	Tỉnh Quảng Nam (Tà Vi)	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Năm 2023</b>			
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
Từ khách hàng bên ngoài	128.521.971.312	14.139.720.337	142.661.691.649
<b>Cộng</b>	<b>128.521.971.312</b>	<b>14.139.720.337</b>	<b>142.661.691.649</b>
<b>Kết quả kinh doanh</b>	<b>64.397.794.948</b>	<b>7.766.000.967</b>	<b>72.163.795.915</b>
Chi phí phân bổ	25.316.339.770	8.978.150.279	34.294.490.049
Chi phí không phân bổ	95.871.785.877	10.917.600.458	106.789.386.335
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.333.845.665</b>	<b>(5.756.030.400)</b>	<b>1.577.815.265</b>



	<b>Tỉnh Kontum</b> (Đăk Nơ, Đăk B'la 1, Đăk Pia) VND	<b>Tỉnh Quảng Nam</b> (Tà Vi) VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>			
Tài sản của bộ phận	1.126.199.039.533	123.902.079.156	1.250.101.118.689
Tài sản không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.126.199.039.533</b>	<b>123.902.079.156</b>	<b>1.250.101.118.689</b>
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>			
Tài sản của bộ phận	1.126.199.039.533	123.902.079.156	1.250.101.118.689
Tài sản không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.126.199.039.533</b>	<b>123.902.079.156</b>	<b>1.250.101.118.689</b>

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Đoàn Thị Ngọc Thu  
Người lập biểu

Hoàng Hữu Điền  
Kế toán trưởng



Đinh Xuân Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024